|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **THÀNH PHỐ HUẾ** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /TTr-UBND | *Huế, ngày tháng 9 năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**Đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố   
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân   
tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thành phố Huế)**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố văn bản đề nghị xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là HĐND thành phố Huế), theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH**

**1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bản hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 175/2024/QH15 của Quốc hội về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư 03/2022/TT-BTP của Bộ Tư pháp Hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

**2. Cơ sở thực tiễn**

Theo quy định Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025, kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, chính quyền địa phương chỉ còn 02 cấp, cấp tỉnh và cấp xã, không còn cấp huyện. Trong khi đó, Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 về ban hành quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thành phố Huế) giai đoạn 2023-2025, có quy định thẩm quyền, trách nhiệm của UBND cấp huyện.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về thành lập và tổ chức lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước. Trong khi đó, Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là HĐND thành phố Huế), có quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (cũ); Sở Thông tin và Truyền thông (cũ).

Do đó, để phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 26/02/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế, việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) theo trình tự, thủ tục rút gọn là rất cần thiết.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

**1. Mục đích ban hành văn bản**

Xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là HĐND thành phố Huế)

**2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản**

- Việc xây dựng Nghị quyết bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, hợp lý và thống nhất với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố có Tờ trình số 13224/TTr-UBND trình Hội đồng nhân dân thành phố về đăng ký xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế);

Sau khi thẩm tra, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố đã ban hành Nghị quyết số 136/NQ-TT.HĐND ngày 24/9/2025 về chương trình xây dựng Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố Huế năm 2025 (đợt 10); Trong đó giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp các cơ quan đơn vị, địa phương liên quan để chuẩn bị Tờ trình và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Huế đúng quy trình, đảm bảo chất lượng.

Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi các Sở và địa phương tham gia góp ý. Trên cơ sở góp ý của các sở, địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, bổ sung vào hồ sơ dự thảo Nghị quyết và gửi Sở Tư pháp thẩm định.

Ngày …./…./2025, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số …../BC-STP thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tiếp thu, bổ sung vào dự thảo cuối cùng để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét.

Sau khi nhận được Tờ trình số… ..../TTr-SNNMT ngày ..../..../2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế); Ủy ban nhân dân thành phố đã tổ chức lấy ý kiến của các thành viên Ủy ban và Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố đã phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, hoàn chỉnh Dự thảo, trình Ủy ban nhân dân thành phố, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố thông qua tại kỳ họp thứ …., Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA VĂN BẢN DỰ THẢO**

**1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**a) Phạm vi điều chỉnh**: Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là HĐND thành phố Huế).

**b) Đối tượng áp dụng**:

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên phạm vi toàn thành phố. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng, hộ nghèo không có khả năng lao động; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Các Sở, ban, ngành thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**2. Bố cục dự thảo Nghị quyết**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của của quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21/8/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là HĐND thành phố Huế)

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung, từ, cụm từ tại các Điều và Phần phụ lục của Nghị quyết số 20/2023/NQ -HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Điều khoản thi hành.

**3. Nội dung cơ bản**

Nội dung cơ bản của Nghị quyết bao gồm các nội dung sau:

3.1. Sửa đổi khoản 1, Điều 5 như sau:

“1. Đối tượng được hỗ trợ

Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 của Chính phủ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định công nhận theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm.”

3.2. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“1. Trước ngày 20/12 hàng năm, Ủy ban nhân dân xã/phường lập danh sách người thuộc hộ gia đình cận nghèo (theo quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường) tham gia bảo hiểm y tế gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Huế.

2. Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố Huế tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị ngân sách thành phố hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trình Sở Tài chính.

4. Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.”

3.3. Sửa đổi mục b, khoản 3, Điều 7 như sau:

“ b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân xã/phường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công xã/phường) nơi cư trú;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Kinh tế xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến phản ánh, khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường Quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Ủy ban nhân dân xã/phường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ban hành quyết định cho đến ngày 31/12/2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.”

3.4 Sửa đổi mục b, khoản 3, Điều 8 như sau:

“b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân xã/phường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công xã/phường) nơi cư trú;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Kinh tế xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm định, xác nhận, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã/phường phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ phương tiện nghe nhìn trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Khoa học và Công nghệ);

- Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã/phường, trong 05 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan trình Uỷ ban nhân dân thành phố phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.”

3.5. Sửa đổi mục b, khoản 3, Điều 9 như sau:

“b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Hộ gia đình làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân xã/phường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công xã/phường) nơi cư trú;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Kinh tế xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường thẩm định, xác nhận, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân xã/phường phê duyệt danh sách hộ gia đình được hỗ trợ hệ thống xử lý nước sạch trên địa bàn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường);

- Trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã/phường, trong 05 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ban, ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, phân bổ kinh phí hỗ trợ;

- Trong 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ; đồng thời chỉ đạo thực hiện hỗ trợ. Trường hợp không phê duyệt, Ủy ban nhân dân thành phố thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.6. Sửa đổi khoản 2, Điều 10 như sau:

“2. Mức hỗ trợ: 500.000 đồng/hộ/tháng;

Ngân sách cấp thành phố hỗ trợ 50%; ngân sách xã/phường hỗ trợ 40% và các nguồn xã hội hoá khác là 10%; riêng 05 xã A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3, A Lưới 4, A Lưới 5 ngân sách cấp thành phố hỗ trợ 80%, ngân sách xã hỗ trợ 10% và các nguồn xã hội hóa khác là 10%.”

3.7. Sửa đổi mục b, khoản 3, Điều 10 như sau:

“b) Thủ tục, trình tự thực hiện

- Đối tượng, người giám hộ của đối tượng hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này gửi Ủy ban nhân dân xã/phường (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công xã/phường) nơi cư trú;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Phòng Kinh tế xã hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường có trách nhiệm rà soát hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường xem xét, quyết định việc xét duyệt, thực hiện việc niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã/phường trong thời gian 02 ngày làm việc.

Trường hợp có ý kiến khiếu nại, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung liên quan;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có ý kiến khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ra Quyết định hỗ trợ trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng.

Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Ủy ban nhân dân xã/phường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Thời gian hỗ trợ kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường ban hành quyết định cho đến ngày 31/12/2025 hoặc không còn đủ điều kiện hưởng theo quy định.”

3.8. Sửa đổi khoản 3, Điều 11 như sau:

“3. Quy trình thực hiện

a) Trước ngày 20/12 hàng năm, Ủy ban nhân dân xã/phường lập danh sách hộ gia đình thoát nghèo, đồng thời thoát cận nghèo (theo quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo hàng năm của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã/phường) gửi cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố;

b) Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố tổng hợp danh sách, kinh phí đề nghị ngân sách thành phố hỗ trợ đóng BHYT trình Sở Tài chính;

c) Sở Tài chính thẩm định hồ sơ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.”

3.9. Sửa đổi khoản 1, Điều 14 như sau:

“1. Nguồn ngân sách thành phố, ngân sách xã/phường.”

3.10. Thay thế, bãi bỏ một số nội dung, từ, cụm từ tại các Điều và Phần phụ lục của Nghị quyết số 20/2023/NQ -HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023như sau:

- Bãi bỏ Khoản 2 Điều 6;

- Bỏ gạch đầu dòng thứ 4, thứ 5 mục b Khoản 1 Điều 7;

- Bỏ gạch đầu dòng thứ 3 mục b Khoản 1 Điều 8;

- Bỏ gạch đầu dòng thứ 3 mục b Khoản 1 Điều 9;

- Bỏ mục b Khoản 3 Điều 11;

- Bãi bỏ Điều 12.

- Bãi bỏ mẫu số 05, mẫu số 06, mẫu số 07, mẫu số 11 Phần phụ lục.

- Thay thế các cụm từ: “Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “Hội đồng nhân dân thành phố Huế”; “Ủy ban nhân dân tỉnh” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân thành phố”; “tỉnh Thừa Thiên Huế” bằng cụm từ “thành phố Huế”; “Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; “Sở Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Sở Nông nghiệp và Môi trường”; “Sở Thông tin và Truyền thông” bằng cụm từ “Sở Khoa học và Công nghệ”; *“*Bảo hiểm xã hội tỉnh” bằng cụm từ “Bảo hiểm xã hội thành phố Huế”; *“*Phòng Lao động-Thương binh và Xã hội cấp huyện” bằng cụm từ “Phòng Văn hóa - Xã hội cấp xã; “Phòng Tài chính Kế hoạch cấp huyện*”* bằng cụm từ “Phòng Kinh tế/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị”; “Ủy ban nhân dân các huyện/thị xã/thành phố…” thành “Ủy ban nhân dân xã/phường…”

- Thay thế cụm từ: “Ủy ban nhân dân xã (phường, thị trấn)…” thành cụm từ “Ủy ban nhân dân xã/phường)…”

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA**

1. Về nguồn lực: Dự thảo Nghị quyết không làm phát sinh thêm kinh phí so với các quy định tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Quy định các chính sách hỗ trợ giảm nghèo bền vững tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thành phố Huế) giai đoạn 2023-2025

2. Dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua: tháng 10/2025.

**VI. CĂN CỨ ÁP DỤNG TRÌNH TỰ, THỦ TỤC RÚT GỌN**

**1**. Điểm b và điểm d khoản 1 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:

“b) Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn”.

“d) Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; trường hợp cần ban hành ngay văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”.

**2.** Điểm đ khoản 2 Điều 50 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định về thẩm quyền quyết định việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

“đ) Thường trực Hội đồng nhân dân theo đề nghị của cơ quan trình quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch Ủy ban nhân dân theo đề nghị của cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân;”.

**3.** Khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước quy định như sau:

“2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Nghị quyết; dự thảo Tờ trình của UBND thành phố; Bản đánh giá thủ tục hành chính; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - CT và các PCT UBND thành phố;  - Các Sở: NN&MT, TP, NV, TC, YT, KHCN, XD;  - VP: LĐ và các CV: TH, NVTC;  - Lưu: VT, NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Thanh Bình** |